

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, giao nuôi
con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đỗ Toàn

Bà Phạm Thị Chuộng

- Th- ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hướng— Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993

Địa chỉ: KDC C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

- **Bị đơn:** Anh Bùi Thành L, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: KDC C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện ở: Tổ 19, Ấp 1, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị M, anh L đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 06 tháng 01 năm 2011. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống, cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình và việc nuôi dạy con chung. Do mâu thuẫn căng thẳng không thể hòa hợp nên hai bên đã sống ly thân từ khoảng 02 năm nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay, Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị

không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên Chị M đề nghị được ly hôn anh L để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng Chị M, anh L có một con chung là Bùi Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/02/2011. Từ nhỏ đến nay cháu V ở cùng Chị M, được Chị M chăm lo ăn học đầy đủ bằng các bạn cùng tuổi. Cháu V có lời khai mong muốn tiếp tục được ở cùng mẹ để ổn định việc học tập và nơi ở hiện tại. Chị M có công việc làm và thu nhập ổn định tại Công ty TNHH VIETTORRY, có địa chỉ tại phường H1, thị xã K, tỉnh Hải Dương với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng; Chị M có anh trai tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con chị sau khi ly hôn nên Chị M đề nghị được nuôi con chung là Bùi Nguyễn Tường V. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Chị M đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về tài sản chung, riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện Chị M, anh L không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

*Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho anh L các tài liệu là: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên anh L trình bày lý do không có mặt trong các buổi hoà giải vì anh còn bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án để trình bày ý kiến được;

Tại các bản tự khai, anh L xác định: Anh L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án (*Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, Thông báo phiên họp*) nhưng do anh bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh L. Anh L và Chị M kết hôn trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 06 tháng 01 năm 2011. Thực tế vợ chồng sống không hòa thuận, hạnh phúc do hai bên bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và cách thức nuôi dạy con chung. Nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm lo gì cho nhau. Anh L đề nghị Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Chị M. Anh L đồng ý ly hôn và đồng ý để Chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Bùi Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/02/2011. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng, anh L không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021, ông Bùi Quốc H2, sinh năm 1961 (là bố đẻ anh L), địa chỉ: Khu dân cư C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương và biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2021, anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981 (là anh trai Chị M), địa chỉ: Khu 6, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương cùng xác nhận nội dung: Vợ chồng Chị M, anh L nhiều năm qua sống ly thân, hai bên không còn quan tâm chăm lo gì cho nhau là sự thực. Khi hai bên còn chung sống cùng nhau, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc.

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân phường A và đại diện Khu dân cư C, phản ánh nội dung: Chị M, anh L là công dân của địa phương. Hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A vào ngày 06/01/2011. Cuộc sống vợ chồng Chị M, anh L không được hòa thuận, hạnh phúc, nhiều năm nay hai bên đã sống ly thân.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Thành L. Về con chung: Giao cho Chị M được quyền nuôi dưỡng, sóc cháu Bùi Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/02/2011. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận việc Chị M tự nguyện không yêu cầu anh L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Chị M đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian giao nuôi con chung từ tháng 5 năm 2021 đến khi cháu Bùi Nguyễn Tường V trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản, công nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHƠN □□NH C□A T□A □N

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M, anh L có đơn đề nghị vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M và anh L được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 06 tháng 01 năm 2011 nên đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh L, Chị M đều có hộ khẩu thường trú tại phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương và anh L có đơn lựa chọn, đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn giải quyết vụ án nên việc Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của Chị M là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ đơn và yêu cầu của chị Mai xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đ- ơng sự tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa ph- ơng nơi đ- ơng sự c- trú, lời trình bày của đại diện gia đình các đương sự và các tài liệu đ- ợc thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng Chị M, anh L nhiều năm vừa qua không đ- ợc hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế chung, cũng như việc nuôi dạy con chung nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể tự giải quyết đ- ợc. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nh- ng tình trạng vợ chồng không đ- ợc cải thiện. Do

không chịu đựng được cuộc sống chung nên khoảng hai năm nay vợ chồng đã sống ly thân, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Bản thân anh L đã nhận được thông báo phiên hòa giải, nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh L cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị Mai, anh L đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị M, xử cho Chị M được ly hôn anh L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

[3] Về con chung: Vợ chồng Chị M, anh L có con chung là Bùi Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/02/2011. Qua lời trình bày của các đương sự, ý kiến trình bày của cháu V và các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định thực tế nhiều năm vừa qua cháu V đang ở cùng Chị M, được chăm lo nuôi dưỡng, học tập ổn định như các bạn cùng tuổi. Chị M có công việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng, có anh trai của Chị M cam kết hỗ trợ chỗ ở ổn định cho mẹ con Chị M sau khi ly hôn. Cháu V có lời khai mong muốn được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn nên cần xử cho Chị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V là có căn cứ pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu V.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Việc Chị M không yêu cầu anh L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Chị M là sự tự nguyện của Chị M và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án là đúng quy định.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị Mai phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Thành L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/02/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Thành L hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Chị M đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Thời gian giao nuôi con chung từ tháng 5/2021 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ- ợc cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005765 ngày 26/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải D- ơng.

5. Về quyền kháng cáo: Tòa án báo cho Chị M, anh L biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án ds tx Kinh Môn;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết